



## Chuyen de Truyen Kieu 9b8b688f86

Tốt nghiệp THPTQG (Trường Đại Học Nội Vụ Hà Nội)



Scan to open on Studeersnel

# **CHUYÊN ĐỀ : TÌM HIỂU MỘT VÀI NÉT NGHỆ THUẬT TRONG "TRUYỆN KIỀU" CỦA NGUYỄN DU**

## **PHẦN I : MỞ ĐẦU**

### **I- LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI:**

"*Truyện Kiều*" của Nguyễn Du là một ngôi sao sáng nhất trong nền văn học cổ điển Việt Nam. Tác phẩm được xếp vào một trong những kiệt tác bất hủ của Văn học thế giới. Vị trí đó đã nói lên tất cả giá trị của "*Truyện Kiều*".

Xưa nay đã có rất nhiều những công trình nghiên cứu phê bình lớn về "*Truyện Kiều*" và đã có không ít những cách đánh giá, nhìn nhận khác nhau. Về nội dung tư tưởng còn có nhiều ý kiến khác nhau nhưng về nghệ thuật thì xưa nay ai ai cũng cho là tuyệt diệu. Phải nói nét độc đáo nhất trong nghệ thuật "*Truyện Kiều*" là bút pháp xây dựng nhân vật. Với tài năng sáng tạo bậc thầy, Nguyễn Du đã thành công trong việc xây dựng một hệ thống nhân vật đa dạng, phong phú và sinh động. Thành công của Nguyễn Du đã đánh dấu bước phát triển của nghệ thuật xây dựng nhân vật của loại hình tự sự trong Văn học Trung đại (đặc biệt là với thể loại *Truyện Nôm*), đồng thời cũng khẳng định sức sáng tạo tuyệt vời của Nguyễn Du trong quá trình chuyển đổi cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân thành tác phẩm của mình.

Trong chương trình sách giáo khoa Ngữ Văn 9 hiện nay "*Truyện Kiều*" của Nguyễn Du có một vị trí không nhỏ. Có một bài giảng riêng cho giới thiệu tác giả; tóm tắt, nêu giá trị tác phẩm và 5 đoạn trích. Qua thực tế giảng dạy và tham khảo ý kiến của các đồng nghiệp đã từng giảng "*Truyện Kiều*", tôi thấy: khi tìm hiểu "*Truyện Kiều*" các đồng chí đều thiên về phân tích giá trị nội dung của các đoạn trích, còn việc tìm hiểu giá trị nghệ thuật thì vẫn còn hời hợt chưa thực sự cho đây là một vấn đề quan trọng. Hơn nữa, đối với học sinh thì việc phân tích, tìm hiểu "*Truyện Kiều*" là một vấn đề tương đối khó, đòi hỏi có một kỹ năng học tập phù hợp, cụ thể với thực tiễn giảng dạy của đặc trưng bộ môn. Vì những lý do trên mà tôi quyết định chọn đề tài này. Trước hết là để tìm hiểu sâu sắc thiên tài nghệ thuật của Nguyễn Du trong "*Truyện Kiều*".

Hơn nữa tôi chọn chuyên đề này sẽ đóng góp một phần nhỏ bé về kinh nghiệm giảng dạy "*Truyện Kiều*", đồng thời giúp học sinh tìm hiểu, phân tích "*Truyện Kiều*" với cái nhìn toàn diện hơn.

### **II. ĐỐI TƯỢNG - PHẠM VI NGHIÊN CỨU.**

1. Đối tượng nghiên cứu: Một số nét nghệ thuật trong "*Truyện Kiều*" của Nguyễn Du.
2. Phạm vi nghiên cứu: Thế giới nhân vật trong "*Truyện Kiều*" và một vài nét sáng tạo về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên và xây dựng nhân vật của Nguyễn Du trong "*Truyện Kiều*".

### **III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:**

Trong quá trình nghiên cứu, tôi sử dụng các phương pháp sau:

**1- Phương pháp thống kê.**

- Bức tranh thiên nhiên trong Truyện Kiều chủ yếu tập trung ở đoạn trích "Cảnh ngày xuân", "Kiều ở lầu Ngưng Bích".

- Thế giới nhân vật trong Truyện Kiều đa dạng sinh động, đủ các loại người, chia làm hai tuyến nhân vật.

+ Tuyến nhân vật chính diện: Gia đình Thuý Kiều (Vương Ông, Vương Bà, Vương Quan, Thuý Kiều, Thuý Vân) Thuý Kiều, Từ Hải, sư Giác Duyên...

+ Tuyến nhân vật phản diện: Mã Giám Sinh, Tú Bà, Bạc Bà, Hoạn Thư, Sở Khanh, mụ mối, Hồ Tôn Hiến, Khuyển, Ưng....

+ Nhân vật trung gian: Thúc Sinh.

**2- Phương pháp phân tích:**

Tôi tiến hành tìm hiểu những thủ pháp nghệ thuật được Nguyễn Du sử dụng qua việc khảo sát, phân tích các bức tranh thiên nhiên, các khía cạnh: ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, dáng điệu, cử chỉ và nội tâm ở những nhân vật tiêu biểu.

**3- Phương pháp so sánh:**

Để làm nổi bật sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Du trong Truyện Kiều, tôi tiến hành so sánh Truyện Kiều với một số Khúc Ngâm, các truyện Nôm, đặc biệt là so sánh với "*Kim Vân Kiều truyện*" tác phẩm văn học Trung Quốc mà Nguyễn Du đã dựa vào cốt truyện đó để sáng tạo Truyện Kiều.

**4- Phương pháp khái quát hoá.**

Để có cái nhìn đúng đắn về giá trị nghệ thuật "*Truyện Kiều*" trong lĩnh vực miêu tả bức tranh thiên nhiên và xây dựng nhân vật, tôi sử dụng phương pháp khái quát hoá, rút ra những kết luận cần thiết từ những biểu hiện cụ thể.

## **PHẦN II: NỘI DUNG**

### **I- BÚT PHÁP MIÊU TẢ THIÊN NHIÊN TRONG TRUYỆN KIỀU**

#### **1- Miêu tả thiên nhiên trực tiếp.**

Miêu tả là bút pháp khá quen thuộc đối với bất kỳ nhà văn hay nhà thơ nào dù ở nước ngoài hay trong nước. Nhờ bút pháp này mà nó làm cho mỗi bài văn, bài thơ thêm cụ thể hơn, sinh động hơn, gần gũi hơn, hấp dẫn hơn. Có rất nhiều loại bút pháp miêu tả: Có thể là tả cảnh, có thể là tả người... có thể tả trực tiếp, có thể tả gián tiếp (*mượn cảnh để tả tình*) và không phải tác giả nào cũng thành công ở tất cả các loại bút pháp như vậy, nhưng riêng Nguyễn Du miêu tả là một thiên tài bậc thầy của nền văn học dân tộc.

Trong chương trình Ngữ Văn 9 bậc Trung học cơ sở, những nét sáng tạo nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Du được thể hiện cụ thể qua mỗi đoạn trích trong "*Truyện Kiều*".

- Ở phần đầu đoạn trích "*Cảnh ngày xuân*" Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp miêu tả thiên nhiên trực tiếp.

*"Ngày xuân con én đưa thoi,  
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.  
Cỏ non xanh tận chân trời,  
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa".*

Bốn câu thơ đầu Nguyễn Du đã mở ra một không gian nghệ thuật hữu sắc, hữu hương, hữu tình, nên thơ. Giữa bầu trời bao la, mênh mông là những cánh én bay qua, bay lại như "*thoi đưa*". Cánh én ngày xuân thân mật biết bao. Hai chữ "*đưa thoi*" rất gợi hình, gợi cảm. Nhà thơ miêu tả cánh én như con thoi vút qua, vút lại chao liệng như muốn nói thời gian đang trôi nhanh, mùa xuân đang trôi nhanh, ngày vui trôi rất nhanh. Sau cánh én "*đưa thoi*" là ánh xuân, là "*thiều quang*" của mùa xuân khi "*chín chục đã ngoài 60*". Cách tính thời gian và miêu tả vẻ đẹp mùa xuân của các thi nhân xưa nay thật là hay và ý vị. Nào là "*xuân hương lão*" (*Úc Trai*), nào cảnh mưa bụi, tiếng chim kêu trong Đường thi, còn là "*xuân hồng*" (*Xuân Diệu*), "*Mùa Xuân chín*" (*Hàn Mặc Tử*) ...với Nguyễn Du là mùa xuân đã bước sang tháng thứ ba, "*thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi*". Hai chữ "*thiều quang*" gợi lên cái màu hồng của ánh xuân, cái ấm áp của khí xuân, cái mênh mông bao la của đất trời. Nếu hai câu thơ trên là thời gian, là không gian xuân thoáng đạt, thì hai câu dưới là bức họa tuyệt đẹp về mùa xuân.

*"Cỏ non xanh tận chân trời,  
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa"*

Vần cổ thi Trung Hoa được Tổ Như vận dụng một cách sáng tạo: "*Phương thảo liên thiên bích - lê chi sổ điểm hoa*": Hai chữ "*Trắng điểm*" là nhãn tự, cách chấm phá điểm xuyết của thi pháp cổ gợi lên vẻ đẹp thanh xuân tinh trắng của thiên nhiên cỏ hoa; bút pháp nghệ thuật phối sắc tài tình: Thảm cỏ xanh non trải rộng tới chân trời là gam màu nền cho bức tranh xuân. Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng. Màu sắc có sự hài hoà đến tuyệt diệu. Tất cả đều gợi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi giàu sức sống.

Như vậy, bằng vài nét chấm phá, miêu tả bậc thầy "*Cảnh ngày xuân*" trở thành bức

tranh xuân hoa lệ, là văn thơ tuyệt bút mà Nguyễn Du trao tặng cho đời, điểm tô cho cuộc sống của mỗi chúng ta. Phải chăng thi sĩ Chế Lan Viên đã học tập Tố Như để viết nên văn thơ xuân tuyệt đẹp này:

*"Tháng giêng hai xanh mướt cỏ đời,  
Tháng giêng hai vút trời bay cánh én..."*

(*"Ý nghĩ mùa xuân"*)

Đó là bức tranh xuân được Nguyễn Du cảm nhận vào buổi sáng, còn bức tranh xuân trong buổi chiều thì sao?

## **2- Bút pháp tả cảnh ngụ tình:**

- Tả cảnh ngụ tình là bằng việc miêu tả cảnh vật thiên nhiên hoặc cuộc sống xung quanh để từ đó khắc họa tâm trạng, suy nghĩ và cảm xúc của chủ thể trữ tình. Có thể thấy, ngụ tình mới là chính còn cái cảnh chỉ nhằm làm nổi bật cái tình.

Thi nhân xưa thường hay mượn cảnh để tả tình, nhìn cảnh mà thấy được tình. Trong bức tranh *"Cảnh ngày xuân"* cũng vậy:

*"Tà tà bóng ngả về tây,  
Chị em thơ thẩn dan tay về.  
Bước dần theo ngọn tiểu khê,  
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.  
Nao nao dòng nước uốn quanh,  
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang."*

Bức tranh ở đây không còn tươi rói, tinh khôi nữa mà dường như đã nhuốm màu tâm trạng. Nguyễn Du thật khéo khi miêu tả thiên nhiên, vẫn là cây cầu nhỏ, khe nước nhỏ, vẫn là cái thanh, cái dịu của mùa xuân, nhưng ông đã tả chúng dưới một góc nhìn khác, một thời điểm khác, nên giữa cảnh và tình có sự giao hoà đồng điệu với nhau. (*Trong cái "nao nao" của dòng nước như có cả cái nao nao của lòng Kiều vì sự linh cảm*).

Nguyễn Du dùng hàng loạt từ láy để tả sắc thái cảnh vật và tâm trạng của nhân vật: tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ, ta như thấy được cảm giác băng khuâng, xao xuyến của chị em Thúy Kiều trên đường trở về sau một ngày du xuân.

Bút pháp tả cảnh ngụ tình ta không chỉ gặp trong *"cảnh ngày xuân"* mà ta còn thấy trong đoạn trích *"Kiều ở lầu Ngưng Bích"*.

*"Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân,  
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.  
Bốn bề bát ngát xa trông,  
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia."*

Bức tranh lầu Ngưng Bích có những cồn cát nhấp nhô, bát ngát, những bụi sắc đỏ thối bốc lên và xa xa là những dãy núi non trùng điệp và có cả ánh trăng. Cảnh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng, trơ trọi, rợn ngợp ở lầu Ngưng Bích là để làm nổi bật tâm trạng, nỗi buồn, niềm cô đơn buồn tủi của nàng Kiều. Kiều buồn mà trông nên trông gì cũng thấy buồn. Một nỗi buồn triền miên không lối thoát. Tám câu cuối cùng của đoạn trích là một bức tranh tâm tình. Mỗi cặp câu là một bức tranh phong cảnh nhỏ trong bức tranh tâm tình rộng lớn.

- Bức tranh tâm trạng của Thúy Kiều được diễn tả nổi bật qua biện pháp tu từ điệp ngữ. Điệp từ “buồn trông” được sử dụng bốn lần ở bốn câu lục trong những cảnh khác nhau nhằm biểu đạt cảm xúc, tâm trạng của nhân vật Thúy Kiều.

+ “Buồn trông” là buồn mà nhìn xa trông ngóng một cái gì đó mơ hồ, vô vọng.

+ Điệp từ này được kết hợp với những hình ảnh đứng sau nó như : cửa bể, cánh buồm, ngọn nước, hoa trôi.. vừa gợi thân phận cô đơn, lênh đênh trôi dạt, vừa diễn tả nỗi buồn ngày càng chồng chất, tăng tiến, ghê gớm, mãnh liệt hơn.

+ Điệp từ “buồn trông” còn kết hợp với các từ láy “xa xa, thấp thoáng, rầu rầu, xanh xanh..” tạo nên nhịp điệu ào ạt của cơn sóng lòng trầm buồn, dữ dội, xô nổi buồn đến tuyệt vọng.

=> Phép điệp ngữ tác động mạnh đến cảm xúc của người đọc nhấn mạnh tâm trạng cô đơn, đau khổ, tuyệt vọng của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

\* Bức tranh thứ nhất :

“ Buồn trông cửa bể chiều hôm,  
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”.

- Kiều trông về phía cửa biển lúc chiều hôm, lúc ấy mặt trời sắp tắt, chỉ còn lại ánh sáng thóp cuối cùng. Nhìn về cửa bể tức là nhìn thấy dải bể đang mất hút đi ở cuối chân trời. Phía ấy trông vắng mênh mông, một bầu trời đang tối dần. Trên cái nền ấy xuất hiện hình ảnh “ thuyền ai” - một con thuyền lẻ loi đơn độc.

- Cái hay của hai câu thơ là sử dụng từ láy có giá trị biểu cảm cao: Từ láy “Thấp thoáng” gồm hai âm “ áp”, “ oáng” (một âm đóng và một âm mở) diễn tả cánh buồm mờ nhạt, chợt ẩn, chợt hiện như mơ hồ, như ảo ảnh. Từ láy “Xa xa” không chỉ gợi hình mà còn gợi tình, gợi sự lẻ loi, đơn chiếc, lênh đênh của cánh buồm, gợi nhớ quê hương, người thân.

- “Cánh buồm xa xa” thấp thoáng trên cửa bể là một hình ảnh ẩn dụ về cuộc sống lẻ loi, đơn chiếc của Thúy Kiều, cũng lênh đênh không biết đâu là bến bờ (thuyền trôi vô định, thấp thoáng -> số phận mong manh).

Hai câu thơ mang âm hưởng buồn, phẳng phất cách diễn đạt trong ca dao:

“ Chiều chiều ra đứng ngõ sau,  
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”.  
Hay : “ Chiều chiều ra đứng bờ sông,  
Trông về quê mẹ mà không có đò”.

\* Bức tranh thứ hai :

“ Buồn trông ngọn nước mới sa,  
Hoa trôi man mác biết là về đâu ?”

- Trước mắt Kiều là một ngọn nước đổ từ trên cao xuống cuốn theo cánh hoa trôi nổi, vùi dập không biết đi đâu, về đâu.

- Cái hay của câu thơ là cách dùng từ láy “ man mác”, nếu viết “ tan tác” thì nói cánh hoa tan đi, vỡ đi, chìm lấp những cánh hoa mỏng manh, nhưng nói “ Hoa trôi man mác” là hình ảnh cánh hoa bập bênh, trôi nổi, đưa đi, đẩy lại lênh đênh.

+ Hình ảnh hoa trôi dễ gợi cảm và làm rung động lòng người. Hình ảnh “ hoa trôi



bèo dạt” thường nói về kiếp người trôi nổi, bấp bênh.

- Hình ảnh ẩn dụ “hoa trôi” + câu hỏi tu từ “ Hoa trôi...đâu” gợi thân phận mỏng manh, yếu đuối như cánh hoa mặc cho dòng đời xô đẩy, biết trôi dạt về đâu ? Hình ảnh “ Hoa lìa cánh” như Kiều lìa xa tổ ấm gia đình.

\* Bức tranh thứ 3 :

*“ Buồn trông nội cỏ rầu rầu,  
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”.*

- Một khung cảnh mênh mông, hoang vắng: Một đồng cỏ phẳng lặng kéo dài mãi cuối tầm nhìn. Nội cỏ rầu rầu gợi lên những ngọn cỏ lúa thừa, ủ ê, héo hắt, đang mất dần sự sống. Đây không phải là đồng cỏ xuân đầy sức sống mà Kiều gặp trong tiết thanh minh: “*Cỏ non xanh tận chân trời*”. Đây là đồng cỏ cuối mùa đang ủ ê, héo hắt kéo dài vô tận thành một màu xanh duy nhất xanh xanh - màu xanh nhợt nhạt, xa xôi - màu tâm trạng được nhìn từ đôi mắt đau thương của Thuý Kiều.

- “Nội cỏ rầu rầu” là một ẩn dụ gợi tâm trạng buồn rầu, gợi lên cuộc sống tàn lụi, cạn kiệt sức sống.

\* Bức tranh thứ 4 :

*“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,  
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”.*

- “Mặt duềnh” là vùng biển ăn sâu vào đất liền, ngoài kia là biển lớn. Gió biển ào ào khiến mặt biển nổi đầy sóng lớn. Sóng vỗ ầm ầm - sóng gào thét cuồng nộ, đập vào bờ, xô đập nhau, lớp sóng này chưa tan đã ào đến lớp sóng khác, liên tục, bất tận. Tiếng sóng gào thét cuồng nộ trên biển khơi vang đi rất xa. Kiều tưởng mình không còn ngồi trên lầu Ngưng Bích nữa mà ngồi chính giữa duềnh biển khơi mênh mông ấy, bốn bên là sóng vỗ.

- “Sóng kêu” được nhân hoá như tiếng kêu của con người. “Sóng kêu” là ẩn dụ đó là tiếng kêu thương của Kiều trước một tương lai đầy giông tố sắp vây bủa, vùi dập đời Kiều. Tám câu cuối, điệp ngữ “buồn trông” được nhắc đi nhắc lại bốn lần ở đầu các câu lục có tác dụng tạo nhạc tính gợi âm điệu buồn thương thê thiết và nhấn mạnh tâm trạng tê tái đau thương: Thương mình, thương người thân...

Như vậy, bằng nghệ thuật tả cảnh ngụ tình tài hoa, độc đáo, Nguyễn Du đã khắc hoạ được một bức tranh sinh động về ngoại cảnh và tâm cảnh, trong đó nổi lên tâm trạng nàng Kiều bẽ bộn bao nỗi buồn đau, chua xót, lo sợ, vô vọng...

## **II- NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG NHÂN VẬT TRONG "TRUYỆN KIỀU" CỦA NGUYỄN DU:**

### **1- MIÊU TẢ NHÂN VẬT QUA NGOẠI HÌNH.**

#### **1.1- Bút pháp tương trưng, ước lệ.**

Đây là một loại bút pháp khá quen thuộc của văn học cổ Việt Nam được thể hiện rõ ở những nhân vật chính diện.

- Bút pháp tương trưng, ước lệ là sử dụng những quy ước trong biểu hiện nghệ thuật như dùng hình tượng thiên nhiên "trăng","hoa","ngọc","tuyết"... để nói về vẻ đẹp của con người. Nghiêng về nghệ thuật gợi, tác động tới người đọc thông qua sự phán

đoán, trí tưởng tượng chứ không miêu tả cụ thể, tỉ mỉ..

Trong "*Truyện Kiều*" ngoại hình nhân vật là những qui phạm, những hình ảnh, chữ nghĩa có sẵn, tiêu biểu là trong nghệ thuật miêu tả: Thuý Kiều, Thuý Vân, Kim Trọng, Từ Hải.

Trong đoạn trích "*Chị em Thuý Kiều*", trước khi miêu tả vẻ đẹp của từng người, Nguyễn Du đem đến cho chúng ta những cảm nhận chung về vẻ đẹp của hai chị em. Đúng là những trang tuyệt sắc giai nhân:

*"Đầu lòng hai ả tố nga,  
Thuý Kiều là chị em là Thuý Vân.  
Mai cốt cách tuyết tinh thần,  
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười".*

Bút pháp ở đây mang tính ước lệ, tượng trưng, tác giả mượn vẻ đẹp của tự nhiên để nói lên vẻ đẹp của con người, cả hai chị em đều có vóc dáng thanh tao, tâm hồn trong trắng như tuyết. Song mỗi người lại có một vẻ đẹp riêng và đều đạt đến độ hoàn mỹ "*mười phân vẹn mười*".

Ở đây Thuý Vân là:

*"Vân xem trang trọng khác vời,  
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.  
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,  
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da."*

Không chỉ tươi tắn trẻ trung mà còn kiều diễm. Nguyễn Du lấy thiên nhiên làm tiêu chuẩn cho sắc đẹp của con người. Ở đây, Thuý Vân được so sánh với trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc - những biểu tượng của thiên nhiên. Thuý Vân khuôn mặt tròn trịa, đầy đặn, sáng đẹp như trăng rằm, tiếng nói trong như ngọc, mái tóc mượt mà óng ả hơn mây, da trắng hơn tuyết. Đó là vẻ đẹp của một cô gái phúc hậu, đoan trang, một vẻ đẹp khiến thiên nhiên phải nhún nhường, phải chịu thua bức chân dung đẹp và có hồn, vừa bộc lộ tính cách, vừa dự báo số phận nhân vật: một tương lai êm đềm, hạnh phúc sẽ đến với Thuý Vân, chỉ có thể có được ở con người mắt nhìn người sâu sắc và nghệ thuật miêu tả bậc thầy của Nguyễn Du.

Chân dung Thuý Kiều nổi bật trên nền chân dung Thuý Vân:

*"Kiều càng sắc sảo mặn mà,  
So về tài sắc lại là phần hơn.  
Làn thu thủy nét xuân sơn,  
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh".*

Thuý Vân đã được miêu tả như một cô gái đẹp hoàn hảo. Thuý Kiều vượt lên trên cái đẹp hoàn hảo ấy để trở thành một cái đẹp tuyệt đỉnh. Vẫn bằng bút pháp ước lệ, tượng trưng, khi tả Thuý Kiều, Nguyễn Du chuyển sang chấm phá theo kiểu "*điểm nhãn*", cốt nêu bật cái thần của vẻ đẹp Thuý Kiều, tập trung vào đôi mắt:

*"Làn thu thủy nét xuân sơn,  
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh".*

Đôi mắt Kiều được ví như "*làn nước mùa thu*", làn nước mùa thu vừa trong sáng, vừa



long lanh, vừa dọn sóng, lại được ẩn dưới nét lông mày thanh tú, mền mại như dãy núi mùa xuân, càng thêm cái hài hoà kiều diễm. Quả là, Kiều có vẻ đẹp "*sắc sảo mặn mà*" nàng không chỉ là bậc mỹ nhân có thể khiến cho "*thành nghiêng nước đổ*" nàng còn có sự sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn. Nếu vẻ đẹp của Thuý Vân khiến cho thiên nhiên phải nhường nàng, thì vẻ đẹp của Thuý Kiều làm cho hoa cũng phải "*ghen*", liễu cũng phải "*hờn*".

Ca dao từng có câu:

*"Một vừa hai phải ai ơi,  
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen".*

Nguyễn Du cũng linh cảm như vậy về số phận nàng Kiều và ông đã lồng sự linh cảm đó trong bút pháp tài hoa miêu tả nàng. Vẻ đẹp của nàng đã làm cho tạo hoá thiên nhiên phải ghen ghét đố kỵ nên số phận nàng sẽ có éo le, đau khổ, gian truân...

Nhân vật tiếp theo cũng được Nguyễn Du miêu tả với ước pháp ước lệ, tượng trưng là Kim Trọng được miêu tả với nét bút phác hoạ về các phương diện cần thiết khi nói đến một nhân vật thư sinh phong kiến: con tuấn mã; chú tiểu đồng, trang phục, danh tính, gia thế tài năng, học thức. Chàng xuất hiện :

*"Đề huề lưng túi gió trăng,  
Sau chân theo một vài thằng con con.*

.....

*Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh.  
Nền phú hậu bậc tài danh,  
Văn chương nét đất thông minh tính trời.  
Phong tư tài mạo tốt vời,  
Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa."*

Nguyễn Du đã giành cho chàng những ngôn ngữ đẹp nhất, trang trọng nhất, những tình cảm ưu ái nhất khi nói về chàng. Chàng không những là người phong nhã, thanh lịch mà còn có một xuất thân quyền quý "*nhà trâm anh*", "*nền phú hậu*", một người có sự phú bẩm rộng rãi của tạo hoá, sự phong phú về tài hoa, trí tuệ "*phong tư tài mạo*" cũng như trong ứng xử tuyệt vời của chàng. Chàng được xây dựng như một người mẫu lý tưởng.

Và đây, nhân vật Từ Hải, một nhân vật xuất hiện trước mắt mọi người và Thuý Kiều với tầm vóc, dung mạo khác thường:

*"Râu hùm, hàm én, mày ngài,  
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao".*

Ngôn ngữ miêu tả ngoại hình ở đây cũng không vượt ra ngoài tính chất công thức ước lệ với những chi tiết đã được quan niệm thẩm mỹ phong kiến quy định cho loại nhân vật anh hùng. Nguyễn Du đã khắc hoạ nhân vật bằng những nét khoẻ mạnh, cao lớn, đường bộ lẫm liệt đã nói lên về phi thường, vẻ hơn đời của Từ Hải.

*"Đường đường một đấng anh hào,  
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài"*

Vẻ đẹp của Từ Hải được Nguyễn Du miêu tả với những từ tôn xưng: Đấng anh hào;

những từ có khí phách mạnh mẽ: Đường đường, hơn sức, gồm tài, đội trời, đạp đất, vẫy vùng...

Nói tóm lại, cũng là bút pháp ước lệ, tượng trưng, nhưng mỗi nhân vật lại có một nét khác biệt trong tính cách: Thuý Vân đoan trang phúc hậu; Thuý Kiều sắc sảo mặn mà, Kim Trọng hoà hoa phong nhã; Từ Hải gắn với tính cách phi thường của bậc anh hùng hảo hán. Tất cả những nhân vật chính diện này Nguyễn Du đều giành cho họ những tình cảm trân trọng, đẹp đẽ, ông dùng những từ ngữ đẹp nhất để ngợi ca họ.

- *Cái hay của bút pháp ước lệ tượng trưng* là biểu hiện quan niệm của người xưa về cái đẹp trong nghệ thuật. Nó có đặc điểm diễn đạt bóng bẩy, trang nhã, thâm thúy để gửi gắm tình cảm của nhà thơ.

- *Hạn chế của bút pháp ước lệ tượng trưng* là dựa vào khuôn mẫu có sẵn bỏ đi các chi tiết thật của đời sống để trở thành khuôn sáo, cầu kì.

- Ngày nay các nhà văn nhà thơ thường chú trọng tả thực để thể hiện sự chân thực và sinh động của đối tượng được miêu tả tuy nhiên khi cần thiết vẫn sử dụng biện pháp ước lệ.

### 1.2- Bút pháp hiện thực.

Bút pháp này được sử dụng ở những nhân vật phản diện đó là những nét vẽ chân thực, sinh động có tính cá thể, tạo nên những diện mạo đặc sắc: Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà... Mã Giám Sinh là một nhân vật tiêu biểu được chọn giảng trong chương trình sách giao khoa ngữ văn 9.

Ở đoạn trích "*Mã Giám Sinh mua Kiều*" chân dung của y hiện lên thật nực cười:

*"Quá niên trạc ngoại tứ tuần,*

*Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao".*

Câu thơ miêu tả khách quan mà vẫn không che dấu được cái ý ngâm mỉa mai bên trong. Cách phục sức dụng công cố làm ra vẻ phong lưu, lịch sự của tay con buôn đó phảng phất tính giả tạo và có phần trai lơ, đàn điểm. Miêu tả ngoại hình anh chàng họ Mã nhưng không thể xác định được chính xác về dung mạo như Kim Trọng, Từ Hải... tác giả chỉ chú trọng miêu tả phục sức bề ngoài giả mà cố tô cho thành trẻ, là con buôn nhưng lại muốn mượn vẻ phong lưu của một công tử đi hỏi vợ. Những từ "*nhẵn nhụi*", "*bảnh bao*" vốn đã không hàm ý đẹp lại có ở một kẻ ngoại tứ tuần, càng gợi một cái gì không lương thiện, có ý chế giễu, mỉa mai. Còn trong "*Kim Vân Kiều truyện*" Thanh Tâm Tài Nhân chỉ giới thiệu qua nhưng là một lời miêu tả khá ưu đãi với Mã Giám Sinh: "*Mụ Hàm nói xong đi ra, hồi lâu đưa mấy người đến, trong bọn có một người đẹp đẽ, bước tới chào và ngắm nghía Thuý Kiều mãi*".

Như vậy, ta có thể thấy chỉ bằng vài nét chấm phá Nguyễn Du đã phác hoạ khái quát chân dung của một loại người xấu xa trong xã hội, dung mạo của một con buôn lưu manh chuyên nghiệp, bất nhân vì tiền.

### 2- MIÊU TẢ NHÂN VẬT QUA CỬ CHỈ, HÀNH ĐỘNG.

So với thế giới nhân vật trong "*Kim Vân Kiều truyện*" hành động của các nhân vật trong "*Truyện Kiều*" chỉ được kể lại vắn tắt nhưng vẫn bộc lộ rõ bản chất từng nhân vật trong quá trình sáng tác Nguyễn Du đã lược bỏ những cử chỉ hành động không phù hợp

với tính cách nhân vật đồng thời ông cũng sáng tạo thêm nhiều những chi tiết mới để soi sáng cho tính cách. Ở phần này, tôi lựa chọn một số nhân vật với những cử chỉ, hành động tiêu biểu để thể hiện tính cách. Mã Giám Sinh sau khi làm lễ "*vấn danh*" được mọi người đưa vào "*lầu trong*" lúc này bản chất con người hắn mới dần dần được bộc lộ:

*"Ghé trên ngai tót sở sàng,"*

Chỉ bằng cử chỉ "*ngai tót*" Nguyễn Du đã phơi bày chân tướng vô học bản chất con buôn của Mã Giám Sinh. Đó là một cử chỉ vội vàng và khiếm nhã, không phù hợp với địa vị người đi hỏi vợ và không đúng với phẩm cách văn hoá của một Giám Sinh.

Cũng cùng bọn người xấu xa, lừa lọc, Sở Khanh đã trở thành một nỗi lo sợ cho những bạn gái nào đang độ tuổi yêu đương... chỉ bằng một hành động "*lén*", một cử chỉ "*lắm nhảm gật đầu*", Nguyễn Du đã lột trần bộ mặt đáng ghê sợ của Sở Khanh khi đánh lừa Kiều:

*"Tường đông lay động bóng cành,  
Rẽ song đã thấy Sở Khanh lén vào".*

Rồi nghe Kiều ân cần kể lễ, hắn:

*"Lẳng nghe lắm nhảm gật đầu,  
Ta đây nào phải ai đâu mà rằng".*

Cử chỉ "*lắm nhảm*" của Sở Khanh có một cái gì đó rất ám muội, không được ngay thẳng nên nó không mang dáng vẻ của một con người tử tế. Đó là cử chỉ của những loại người lưu manh, xảo trá còn Hồ Tôn Hiến, một viên quan đại thần thì sao? Hắn được sai đi dẹp loạn đã tìm cách mua chuộc Kiều, lừa hại chết Từ Hải. Sau đó, hắn còn ép Kiều hầu hạ dưới màn, làm nhục Kiều:

*"Nghe càng đắm, ngắm càng say,  
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình".*

Đằng sau vẻ uy nghiêm của một viên quan đại thần, trước vẻ đẹp của Kiều, Hồ Tôn Hiến cũng phải "*ngây vì tình*", hành động "*ngây*" đã bộc lộ rõ một hình ảnh si mê thấp hèn...

Ngoài những cử chỉ của những loại người trên trong "*Truyện Kiều*" chúng ta còn thấy có cử chỉ "*xăm xăm*" của Thuý Kiều, "*thoăn thoắt*" của Kim Trọng khi họ đến với nhau. Nhân dịp gia đình Kiều về quê mừng thọ đã cho rằng đây một thời cơ tốt để gặp Kiều:

*"Thời chân chân thức sẵn bày,  
Gót sen thoăn thoắt dạo ngang mái tường".*

Còn Kiều, vì tình yêu, vì khao khát hạnh phúc, được tâm sự với người yêu, nàng đã: "*Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình*". Với cử chỉ "*xăm xăm*", "*thoăn thoắt*", Kiều và Kim Trọng đã bộc lộ rõ họ là những con người dám sống cho tình yêu, họ đã vượt ra khỏi lễ giáo phong kiến để hành động theo sự mách bảo của trái tim.

Tóm lại, những từ "*tót*", "*lén*", "*lắm nhảm*", "*xăm xăm*", "*thoăn thoắt*", là những từ rất chính xác, rất đắt chỉ có ở Nguyễn Du, chứ không có ở "*Kim Vân Kiều truyện*". Nhờ thể nhân vật trong "*Truyện Kiều*" hiện lên cụ thể, sinh động hơn nhiều so với nhân vật

của Thanh Tâm Tài Nhân.

Với Nguyễn Du, miêu tả nhân vật qua nội tâm, khám phá các trạng thái tâm lý của một con người đã trở thành một yếu tố đặc biệt quan trọng để xây dựng tính cách và đã có thành tựu rực rỡ.

### 3- Miêu tả nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ tự sự:

Ở đoạn "*Mã Giám Sinh mua Kiều*" trong cảnh mua bán Thuý Kiều là hiện thân của con người lương thiện bị chà đạp của tài sắc bị dập vùi thảm thương. Nguyễn Du càng căm ghét tên buôn người Mã Giám Sinh bao nhiêu thì càng cảm thương sâu sắc trước nỗi đau xót nhục nhã ê chề của cô gái tài hoa bấy nhiêu, Kiều là một trang quốc sắc thiên hương, vậy mà bị đem ra mua bán như món hàng ngoài chợ. Nguyễn Du kể mà như nhập vào nhân vật, cũng đau xót với nhân vật:

*"Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,  
Thêm hoa một bước lệ hoa mấy hàng  
Ngại ngừng dín gió e sương,  
Ngừng hoa bóng thẹn trông gương mặt dày.  
Mối càng vén tóc bắt tay,  
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai".*

Sáu dòng thơ mô tả nỗi uất ức, xót xa, tủi nhục của một trang tuyệt sắc giai nhân trước sự mua bán tro trên của bọn buôn người. Từ đầu đến cuối, Kiều không hề nói một lời, chỉ có nỗi buồn hiện ra qua từng bước chân, nét mặt. Ở đoạn này trong "*Kim Vân Kiều truyện*" Thanh Tâm Tài Nhân để Thuý Kiều lên tiếng năm lần, trong đó có hai lần tham gia vào mặc cả như sau:

"*Thuý Kiều nói:*

- *Bán mình mà không được việc thì bán để làm gì?*

*Người ấy nói:*

- *Thôi xin đưa bốn trăm lạng.*

*Thuý Kiều nói:*

- *Không phải năm trăm lạng là không được".*

Rõ ràng sự căm lạng, những giọt nước mắt lạng lẽ của Thuý Kiều, trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh và tâm trạng bi kịch, với tính cách của nàng.

Đoạn "*Thúc Sinh từ biệt Thuý Kiều*", bút pháp miêu tả nội tâm nhân vật của Nguyễn Du lại hiện lên rõ nét:

*"Người lên ngựa kẻ chia bào,  
Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san.  
Dặm hồng bụi cuốn chinh an,  
Trông người đã khuất đã mấy ngàn dâu xanh.  
Người về chiếc bóng năm canh,  
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.  
Vàng trăng ai xẻ làm đôi,  
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường".*

Đoạn thơ nói lên sự chia biệt giữa Thúc Sinh và Thuý Kiều. Đây là một cuộc chia cách đầy lưu luyến giữa một đôi trẻ. Họ đã từng có những tháng ngày bên nhau đầy hạnh phúc mặn nồng. Mặc dù, Thúc Sinh không phải là mối tình đầu lãng mạn cao đẹp như với chàng Kim, nhưng ở bên Thúc Sinh, Kiều có một cuộc sống êm ấm, trong sạch, hoà thuận cả hai cùng không muốn rời nhau nhưng họ vẫn phải xa nhau. Lần này Thúc Sinh từ biệt Thuý Kiều để về nói cho Hoạn Thư biết việc mình đã lấy Kiều làm lẽ. Kiều linh cảm cuộc chia tay lành này lành ít dữ nhiều. Vì thế mà "*người lên ngựa*" đã đi rồi, chỉ còn lại mình Kiều với nỗi buồn chia cách. Thiên nhiên quanh nàng cũng trở nên mênh mông dần trải, hiu hắt: một màu quan san (*màu của chia ly, cách biệt*), một ngàn dâu vô tận, một vàng trắng đơn chiếc, không trọn vẹn...cũng nói về cảnh chia ly, trong "*Chinh phụ ngâm*" của Đặng Trần Côn cũng có hình ảnh tương tự:

*"Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,  
Thấy xanh xanh biếc mấy ngàn dâu.  
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,  
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai..."*

Trong thơ của Nguyễn Du Kiều hiện lên với những tâm sự rất chân thành sâu sắc, điều đó chứng tỏ Nguyễn Du đã phải nhập thân vào nhân vật mới viết được những dòng xúc động như thế.

Đoạn miêu tả tiếng đàn của Kiều khi bị Hồ Tôn Hiến làm nhục sau khi lừa Kiều, xúi giục Từ Hải ra hàng và chàng đã bị chết đứng:

*"Một cung gió thảm mưa sầu,  
Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay".*

Nguyễn Du đã dùng tiếng đàn bi thảm "*gió thảm mưa sầu*", "*nhỏ máu*" để cụ thể hoá tâm trạng và vận mệnh của Kiều. Trong các lần gảy đàn của Kiều, không lần nào tiếng đàn bi thiết, đau thương như lần này. Tiếng đàn bật máu, tiếng đàn mang cái chết của Từ Hải và cái chết trong tâm hồn Kiều. Một cõi lòng đã dập tắt mọi niềm hạnh phúc, ước mơ. Chúng ta thấy dường như Nguyễn Du cũng đang tan nát cõi lòng, cũng đang nhỏ máu tâm hồn cùng nàng Kiều. Qua những đoạn thơ trên, Thuý Kiều hiện lên với tất cả trạng thái phức hợp: Có nỗi buồn tủi, xót xa, đau đớn, ê chề, hổ thẹn, nhớ nhung với những rung động rất đời, rất thực.

Như vậy, có thể nói với bút pháp miêu tả bậc thầy, Nguyễn Du đã xây dựng lên chân dung Thuý Kiều không chỉ tuyệt thế giai nhân mà còn có thể giới nội tâm phong phú, sinh động, khiến nàng trở nên gần gũi với đời thực hơn - điều này chỉ có ở Nguyễn Du chứ không thể có trong Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân - Trung Quốc.

#### **4- MIÊU TẢ NHÂN VẬT QUA NGÔN NGỮ ĐỘC THOẠI**

Ở đoạn trích "*Kiều ở lầu Ngưng Bích*" Nguyễn Du thành công khi sử dụng loại ngôn ngữ độc thoại nội tâm để khám phá chiều sâu tư tưởng, tình cảm con người, hiểu được tâm trạng nỗi niềm của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích:

*"Tưởng người dưới Nguyệt chén đồng,  
Tin sương luống những rày trông mai chờ".*

Người đầu tiên xuất hiện trong nỗi nhớ của Kiều là chàng Kim, nàng tưởng nhớ hình



ảnh hai người uống rượu thề nguyện dưới đêm trăng mới hôm nào, trước đó:

*"Vàng trăng vàng vặc giữa trời,  
Đinh ninh hai miệng một lời song song".*

Và Kiều thấy thương Kim Trọng vẫn chưa biết Kiều đã không giữ trọn lời thề, vẫn đêm ngày trông chờ nàng một cách uổng công. Từ nhớ chàng Kim, nàng lại thấy thương mình:

*"Bên trời góc bể bơ vơ,  
Tám son gột rửa bao giờ cho phai?".*

Nàng thấm thía với tình cảnh bơ vơ, trơ trọi của mình nơi "bên trời góc bể" và nuối tiếc mối tình đầu trong trắng, "tám son" ở đây là tám lòng chung thủy sắt son của Thuý Kiều đối với Kim Trọng. Bao giờ có thể quên được mối tình đó. Cũng có thể hiểu tám lòng trong trắng của Thuý Kiều bị dập vùi, hoen ố, biết bao giờ mới có thể gột rửa được?

Như vậy, ta có thể thấy Kiều đã nhớ Kim Trọng với một tâm trạng đau đớn, xót xa, nàng quả là một người tình chung thủy.

Trong dòng suy nghĩ miên man, nàng hết nhớ người yêu lại nhớ đến cha mẹ:

*"Xót người tựa cửa hôm mai,  
Quạt nồng ám lạnh những ai đó giờ?  
Sân lai cánh mấy nắng mưa,  
Có khi gốc tử đã vừa người ôm".*

Kiều đã hình dung ra cảnh tượng sớm hôm cha mẹ tựa cửa ngóng trông tin tức của nàng. Nàng lại day dứt không nguôi là giờ đây ai là người phụng dưỡng cha mẹ đang ngày một già yếu.

Chỉ bốn câu thơ độc thoại nội tâm, Nguyễn Du đã khắc họa được tám lòng hiếu thảo của Thuý Kiều đối với cha mẹ.

Suốt quãng đời mười lăm năm đoạn trường lưu lạc, Nguyễn Du đã nhiều lần để Kiều độc thoại để từ đó bộc lộ chính mình.

Có lúc, nàng đau đớn, dằn vặt, xót xa sau những đêm bướm lả ong lơi và cuộc say đầy tháng:

*"Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,  
Giật mình mình lại thương mình xót xa".*

Có khi nàng băn khoăn, trăn trở, hải hùng về cuộc sống, về tương lai, về thân phận luôn ám ảnh day dứt nàng:

*"Một mình lưỡng lự canh chày,  
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh".*

Rồi khi nàng khuyên Từ Hải ra hàng, ngôn ngữ độc thoại đã bộc lộ rõ những nét tâm lý rất thực của một cô gái nửa đời nếm trải đủ mùi đắng cay:

*"Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,  
Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân.  
Bằng tay chịu tiếng vương thân,  
Thên thên đường cái thanh vân hẹp gì!"*



*Công tư vẹn cả hai bề,  
Dần dà rồi cũng liệu về cố hương.  
Cũng ngồi mệnh phụ đường đường,  
Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha..."*

Qua đoạn thơ, ta thấy tâm lý của Kiều hiện lên rất thực: nàng biết khi Từ Hải ra hàng thì phải chịu thiệt thòi, phải mang tiếng vương thân, song bên cạnh đó là cả một tương lai tươi sáng, rục rờ đã nói lên nhiều điều lợi, dù sao Kiều chỉ là một nạn nhân mà nguyện vọng duy nhất là được sống yên ổn, lương thiện và trong sạch.

Có thể nói với những yếu tố ngôn ngữ độc thoại như trên, nàng Kiều hiện lên như một người trần tục với tất cả những tình cảm, suy nghĩ, lo toan rất thực, rất đời thường, nàng trở nên gần gũi với người đọc hơn. Đạt được điều đó phải chăng đó chính là trình độ bậc thầy của Nguyễn Du trong việc khám phá thế giới nội tâm con người, đặc biệt là những người phụ nữ.

### **5- KHẮC HOẠ TÍNH CÁCH NHÂN VẬT QUA NGÔN NGỮ ĐỐI THOẠI.**

Để nhân vật của mình được hiện lên đầy đủ, toàn diện, Nguyễn Du đã miêu tả họ với cái nhìn nhiều chiều, có khi là miêu tả ngoại hình, có khi miêu tả nội tâm, có khi lại thông qua ngôn ngữ đối thoại của họ để thấy được tính cách sống động của mỗi nhân vật.

Ở đoạn trích "*Thúy Kiều báo ân, báo oán*" ngôn ngữ đối thoại được thể hiện rõ ràng hơn cả. Có hai cuộc đối thoại: đối thoại giữa Kiều với Thúc Sinh và đối thoại giữa Kiều với Hoạn Thư và giữa Hoạn Thư với Kiều.

Kiều được Từ Hải - người anh hùng cứu ra khỏi lầu xanh, giúp nàng báo ân, trả oán. Đưa nàng từ thân phận của một kỹ nữ chốn lầu xanh nhor bản lên thân phận của một mệnh phụ phu nhân, bước lên địa vị một quan toà cầm cán cân công lý. Trong phiên toà nàng cho gọi những người đã từng có ân, có oán với nàng đến.

Người đầu tiên được Kiều mời đến là Thúc Sinh, thấy hình ảnh tội nghiệp của Thúc Sinh nàng đã cất lên tiếng hàm ơn:

*"Nàng rằng: Nghĩa nặng nghìn non,  
Lâm Tri người cũ chàng còn nhớ không?  
Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng,  
Vì ai há dễ phụ lòng cố nhân?"*

Rõ ràng là Kiều vẫn rất nhớ tấm lòng và sự giúp đỡ mà Thúc Sinh đã giành cho nàng trong cơn hoạn nạn. Nàng gọi đó là "*nghĩa nặng nghìn non*". Nghĩa là nàng vẫn nhớ tới công ơn của Thúc Sinh đã đưa Kiều ra khỏi lầu xanh, cứu nàng thoát khỏi cuộc đời ô nhục đem lại cuộc sống gia đình êm ấm.

Đối thoại với Thúc Sinh, Kiều nói bằng một ngôn ngữ rất trang trọng: "*nghĩa nặng nghìn non*", "*chẳng vẹn chữ tòng*"...hầu hết là những từ Hán Việt, lại dùng cả điển cố... Cách nói đó phù hợp với chàng thư sinh họ Thúc và biểu lộ được tấm lòng biết ơn chân thành của Kiều.

Thúy Kiều cũng nói với Thúc Sinh rằng: Kẻ gây ra sự chia cách giữa hai người không phải do chàng mà là do vợ chàng. Nói với Thúc Sinh về Hoạn Thư, Kiều không sao

người được sự oán giận với những khổ đau mà Hoạn Thư đã gây ra cho nàng, vết thương đó còn đang quá xót xa trong lòng nàng, cho nên nàng không thể không căm giận:

*"Vợ chàng quý quá tình ma,  
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.  
Kiến bò miệng chén chưa lâu,  
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa".*

Nếu nói với Thúc Sinh, Kiều nói bằng một ngôn ngữ trang trọng, thì nói về Hoạn Thư, Kiều lại nói bằng một ngôn ngữ hết sức nôm na bình dị, Kiều sử dụng những thành ngữ quen thuộc, đó là lời ăn tiếng nói của nhân dân.

Qua ngôn ngữ đối thoại của Kiều với Thúc Sinh, ta thấy tính cách của nàng đã bộc lộ khá rõ ràng, nàng xử đúng người đúng tội, báo nhân đối với người đáng báo ân, đồng thời thấy được nàng là một người sống có tình có nghĩa, có trước có sau.

Sau khi trả ơn Thúc Sinh, bà quản gia nhà họ Hoạn và sư Giác Duyên, Thuý Kiều mới bước vào cuộc báo thù:

*"Dưới cờ guom tuốt nắp ra,  
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư".*

Thuý Kiều thoát trông thấy Hoạn Thư đã cất tiếng chào mỉa mai: *"Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!"* Kiều dùng cách xưng hô như hồi còn làm hoa nô cho nhà họ Hoạn trong hoàn cảnh thứ bậc đã đổi ngôi.

Tiếp theo lời chào mỉa mai là những lời mắng nhiếc, xỉ vả:

*"Đàn bà dễ có mấy tay,  
Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!  
Dễ dàng là thói hồng nhan,  
Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều".*

Với một kẻ như Hoạn Thư:

*"Bề ngoài thon thót nói cười,  
Bề trong nham hiểm giết người không dao".*

thì những lời mắng nhiếc xỉ vả ấy của Kiều là đích đáng lắm. Trước những lời nói mỉa mai, đay nghiến đó của Kiều, Hoạn Thư đã xử trí ra sao?

Lúc đầu, *"Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu"*, nhưng sau đó *"Hoạn Thư đã liệu đều kêu ca"*. Trước hết Hoạn Thư gỡ tội cho mình bằng cách dựa vào tâm lý thường tình của người phụ nữ:

*"Rằng: tôi chút phận đàn bà,  
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình".*

Hoạn Thư nói rằng tội của tôi là tội ghen tuông, mà tội ấy thì ở người đàn bà nào mà chẳng có. Vậy là, đã đánh thức được ở Kiều lòng thông cảm với người cùng giới. Quả thực, ngay từ đầu Hoạn Thư đã tỏ ra thông minh giáo hoạt.

Tiếp theo, Hoạn Thư lại gọi chút *"ân tình"* ngày xưa: một là, đã cho Kiều xuống Quan Âm các *"giữ chùa chép kinh"*, không bắt làm thị tì nữa; hai là, khi Kiều bỏ trốn mang theo chuông vàng khánh bạc, Hoạn Thư cũng không cho người đuổi bắt. Cách nói rất

khéo chỉ gợi sự thật và chuyện cũ ra, chỉ người trong cuộc mới biết.

"Nghĩ cho" là nhớ lại cho, suy nghĩ lại cho:

*"Nghĩ cho khi gác viết kinh,  
Với khi khởi cửa dút tình chẳng theo".*

Đối với Kiều, Hoạn Thư đã từng nói với Thúc Sinh: "Rằng: tài lên trọng mà tình lên thương". Tuy "chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai", nhưng trong thâm tâm, Hoạn Thư rất "kính yêu" Thuý Kiều. Cuối cùng Hoạn Thư tự nhận tội của mình và xin Kiều rộng lòng tha thứ:

*"Trót lòng gây việc chông gai,  
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng?"*

Lời gỡ tội của Hoạn Thư vừa có lí, vừa có tình. Lời cầu xin đúng mực, chân thành, Kiều đã phải thừa nhận cái thông minh, giáo hoạt của Hoạn Thư và ban một lời khen:

*"Khen cho: thật đã nên rằng,  
Khôn ngoan đến mức nói năng phải lời".*

Không thể là người "nhỏ nhen" Kiều đã tha tội cho Hoạn Thư:

*"Đã lòng tri quá thì nên,  
Truyền quân lệnh xuống trước tiên tha ngay".*

Sự việc diễn ra quá bất ngờ, ngoài sức tưởng tượng của nhiều người. Vốn là một người phụ nữ trung hậu, đã từng nếm trải bao cay đắng và ngang trái trong cuộc đời, vả lại Kiều cũng tự biết rằng mình đã xâm phạm đến hạnh phúc của người khác. Tha tội cho Hoạn Thư, Kiều tỏ ra vô cùng cao thượng.

Như vậy, với màn báo ân báo oán ta thấy hết được những sáng tạo của ngòi bút thiên tài Nguyễn Du. Cảnh pháp trường thời trung cổ được miêu tả ước lệ mà không kém phần uy nghiêm. Lời thoại rất gọn mà sắc đã làm nổi bật tâm lý, tính cách nhân vật Thúc Sinh lạnh mà nhất sự; Hoạn Thư thì khôn ngoan, sắc sảo; Kiều rất trung hậu, cao thượng, bao dung.

Nguyễn Du đã sáng tạo lên những lời thoại biến hoá đã nói lên chuyện ân oán, cái lẽ đời xưa nay, ca ngợi sự thủy chung tình nghĩa, lên án bọn bạc ác tình ma. Cảnh báo ân, báo oán là một tình tiết rất đậm làm nổi bật tinh thần nhân đạo của "Truyện Kiều".

## **VI. Một số bài tập**

"Truyện Kiều" là tác phẩm có nội dung rất phong phú và nhiều giá trị nghệ thuật nổi bật. Chuyên đề "MỘT VÀI NÉT NGHỆ THUẬT TRONG TRUYỆN KIỀU" tôi mạnh dạn đưa ra hai dạng bài tập như sau :

- Dạng 1 : Bài tập đọc hiểu
- Dạng 2 : Bài tập nghị luận một vấn đề trong tác phẩm văn học.

### **1. Một số bài tập dạng đọc hiểu**

**Bài 1 : Một trong những thành công nổi bật của Nguyễn Du trong đoạn trích "Chi em Thuý Kiều " là sử dụng bút pháp ước lệ để miêu tả nhân vật chính diện .**

a Thế nào là bút pháp ước lệ ? Tìm trong đoạn trích và chép lại chính xác những câu thơ

---

tả nhan sắc Thúy Vân và Thúy Kiều có sử dụng bút pháp ước lệ.

**Gợi ý:** Bút pháp ước lệ là :

+ a. Bút pháp tương trưng, ước lệ là sử dụng những quy ước trong biểu hiện nghệ thuật như dùng hình tượng thiên nhiên "trăng", "hoa", "ngọc", "tuyết"... để nói về vẻ đẹp của con người. Nghiêng về nghệ thuật gợi, tác động tới người đọc thông qua sự phán đoán, trí tưởng tượng chứ không miêu tả cụ thể, tỉ mỉ.

\* Tả Thúy Vân :

*“ Vân xem trang trọng khác vời  
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang ”*

\* Tả Thúy Kiều

*“Làn thu thủy, nét xuân sơn  
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”.*

**Bài 2: Hai câu thơ sau, mỗi câu nói về nhân vật nào?**

*Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da  
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*

Hai cách miêu tả sắc đẹp của hai nhân vật ấy có gì giống và khác nhau? Sự khác nhau ấy có liên quan gì đến tính cách và số phận của hai nhân vật ?

**Gợi ý:**

- Hai câu thơ trên, câu đầu nói về Thúy Vân, câu sau nói về Thúy Kiều.  
- Giống nhau: Tả nhan sắc hai nàng như vậy là Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ tương trưng, một bút pháp quen thuộc của thơ ca cổ điển - dùng để tả cho nhân vật chính diện - lấy cái đẹp của tự nhiên để so sánh hoặc ngầm ví với cái đẹp của nhân vật. Từ đó tôn vinh cái đẹp của nhân vật. Ta dễ dàng hình dung nhan sắc của mỗi người. Thúy Vân tóc mượt mà, óng ả hơn mây, da trắng hơn tuyết. Còn Thúy Kiều, vẻ tươi thắm của nàng đến hoa cũng phải ghen, da mịn màng đến liễu phải hờn.

- Khác nhau:

+ Tác giả miêu tả Thúy Vân một cách cụ thể từ khuôn mặt, nét mày, màu da, nước tóc, miệng cười, tiếng nói ⇒ để khắc họa một Thúy Vân đẹp, đoan trang, phúc hậu.

+ Thúy Kiều: nêu ấn tượng tổng quát (sắc sảo, mặn mà), đặc tả đôi mắt. Miêu tả tác động vẻ đẹp của Thúy Kiều. Vẻ đẹp sắc sảo, thông minh của Thúy Kiều làm cho hoa, liễu phải hờn ghen, làm cho nước, thành phải nghiêng đổ ⇒ tác giả miêu tả nét đẹp của Kiều là để gợi tả vẻ đẹp tâm hồn Thúy Kiều.

- Thông điệp nghệ thuật: Qua cái đẹp ấy, tác giả còn dự báo cho số phận của mỗi người. Thúy Vân đẹp đoan trang, phúc hậu, sẽ có một số phận may mắn, hạnh phúc. Còn Thúy Kiều đẹp sắc sảo, mặn mà sẽ có số phận đầy giông tố, bất hạnh.

**Bài 3 :**

- a) Chép những câu thơ miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân?
- b) Tìm từ Hán Việt trong đoạn thơ và giải thích nghĩa của các từ đó?
- c) Những hình tượng nghệ thuật nào trong đoạn thơ mang tính ước lệ khi gọi tả vẻ đẹp của Thúy Vân? Từ những hình tượng ấy, em cảm nhận Thúy Vân có nét riêng về nhan sắc và tính cách như thế nào?

**Gợi ý:**

a, Chép thơ

b) Trang trọng: thể hiện sự cao sang, quý phái, đài các.

Đoan trang: thể hiện sự nghiêm trang, đứng đắn.

c) Những hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ khi gọi tả vẻ đẹp của Thúy Vân: trắng, ngài, hoa, ngọc, mây, tuyết.

Những hình tượng ấy cho em thấy được vẻ đẹp và tính cách, số phận của Thúy Vân: Đó là một vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang, một vẻ đẹp hài hòa đến thiên nhiên cũng phải chấp nhận “nhường, thua” trước vẻ đẹp ấy mà không đố kị, ghen ghét, dự báo một cuộc đời êm ả, bình lặng.

**Bài 4: “ Cho câu thơ “Tà tà bóng ngả về tây”**

1. Chép tiếp các câu thơ còn lại của bài
2. Nêu ngắn gọn nội dung của đoạn thơ đó.
3. Chúng ta đều biết “nao nao” là từ láy diễn tả tâm trạng con người vậy mà Nguyễn Du lại viết “Nao nao dòng nước uốn quanh”. Cách dùng từ như vậy mang lại ý nghĩa như thế nào cho câu thơ?
4. Tâm trạng của con người được miêu tả bằng bút pháp nghệ thuật nào? Nêu nhận xét của em về những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích “[ Cảnh ngày xuân”.

**Gợi ý:**

1. Chép thơ...

2. Tả cảnh chị em Thúy Kiều khi du xuân trở về.

3. Từ “nao nao” là từ láy diễn tả tâm trạng con người nhưng Nguyễn Du đã sử dụng cho việc diễn tả cảnh vật. Điều này cho thấy cảnh đã được nhân hóa một cách tự nhiên và nhuộm màu tâm trạng của con người. Cảm giác một ngày vui đang còn mà đã linh cảm một điều gì đó không bình thường sắp xuất hiện, những dự báo về cảnh và người sẽ gặp: nấm mộ Đạm Tiên và chàng Kim Trọng.

4. Tâm trạng của con người được miêu tả bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình. Cảnh hoang hôn với dòng nước, nhịp cầu nhỏ nhỏ, khung cảnh “ thanh thanh” gợi buồn, như thấm cả những suy tư của con người. Nguyễn Du đã mượn cảnh vật để khám phá



những rung động tinh tế trong tâm hồn người.

Những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích “Cảnh ngày xuân”: từ ngữ giàu chất tạo hình, sử dụng hiệu quả bút pháp chấm phá, điểm xuyết, tả cảnh ngụ tình và các biện pháp tu từ so sánh, đảo ngữ.

**Bài 5 :**

Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” có câu: “Buồn trông cửa bể chiều hôm”.

a) Chép chính xác 7 dòng thơ tiếp theo.

b) Một trong những nghệ thuật tiêu biểu của đoạn thơ trên là việc sử dụng điệp ngữ. Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của phép điệp ngữ đó trong việc diễn tả tâm trạng của Thúy Kiều.

c) Mỗi cảnh vật được miêu tả trong đoạn thơ là một ẩn dụ về cảnh ngộ và tâm trạng Thúy Kiều. Hãy chỉ ra ý nghĩa của những ẩn dụ đó.

d) Đoạn thơ đã cho thấy sự thành công của Nguyễn Du trong việc sử dụng bút pháp nghệ thuật nào?

**Gợi ý:**

b) Điệp ngữ “buồn trông” được lặp đi lặp lại 4 lần ở đầu mỗi câu thơ gợi ló lỏ nổi buồn trùng điệp dồn tới từ man mác, lo âu đến kinh sợ hãi hùng, nỗi buồn trùng điệp dồn tới bao trùm thân phận nhỏ bé của Thúy Kiều như nhấn chìm nàng, chỉ còn tiếng nàng kêu cứu đồng vọng cùng thiên nhiên.

c) Mỗi cảnh vật thiên nhiên đồng thời là một ẩn dụ về tâm trạng của Thúy Kiều.

- Hình ảnh “cánh bướm thấp thoáng” nơi “cửa bể chiều hôm” khơi gợi nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương của Kiều.

- Hình ảnh “cánh hoa trôi” man mác giữa dòng gợi nỗi buồn về số phận trôi nổi, lênh đênh không biết đi đâu, về đâu của Kiều.

- Hình ảnh “nội cỏ rầu rầu” kết hợp với hình ảnh “chân mây mặt đất” gợi tâm trạng bi thương về tương lai mờ mịt.

- Thiên nhiên dữ dội với “gió cuốn mặt duềnh”, “ầm ầm tiếng sóng” cho thấy tâm trạng lo sợ hãi hùng trước những tai họa đang rình rập sẽ đổ ập xuống cuộc đời nàng.

d) Đoạn thơ đã cho thấy sự thành công của Nguyễn Du trong việc sử dụng bút pháp nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

---

## **2. Dạng đề nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học**



**Đề 1:** *Phân tích đoạn trích Chị em Thúy Kiều để thấy tài năng tả người bậc thầy của Nguyễn Du.*

**I. Yêu cầu chung**

+ Kiểu bài : Văn nghị luận

(Dạng bài : nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học)

+ Nội dung : tài năng tả người bậc thầy của Nguyễn Du trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”

+ Hình thức : Viết một văn bản có luận điểm rõ ràng , dẫn chứng cụ thể.

**II. Yêu cầu cụ thể:**

**a, Mở bài:** Cần nêu được:

- Giới thiệu tác giả:

+ Nguyễn Du là thiên tài văn học, danh nhân văn hóa, nhà nhân đạo chủ nghĩa, có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của văn học Việt Nam. *Truyện Kiều* là kiệt tác văn học, kết tinh tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du.

- Nêu vấn đề nghị luận.

+ Đoạn trích *Chị em Thúy Kiều* nằm ở phần đầu tác phẩm *Truyện Kiều* đã cho thấy tài năng miêu tả bậc thầy của Nguyễn Du.

**2. Thân bài:** Cần phân tích những luận điểm sau:

**Luận điểm 1:** *Trong Truyện Kiều . Nguyễn Du đã rất thành công khi miêu tả nhân vật chính, nhân vật phụ, nhân vật chính diện, nhân vật phản diện. Đặc biệt miêu tả Truyện Kiều , Thúy Vân trong đoạn trích Chị em Thúy Kiều – nhân vật chính diện, Nguyễn Du đã sử dụng thành công bút pháp ước lệ tượng trưng.*

- Khi giới thiệu vẻ đẹp chung, Nguyễn Du đã chọn hình ảnh của mai và tuyết để tả cốt cách mảnh mai, yêu điệu, tinh thần trắng trong như tuyết của hai cô gái.

- Tả Thúy Vân- ông mượn hình ảnh *mây, trăng, hoa, tuyết, ngọc* để gợi nên vẻ đẹp đài các kiêu sa, đoan trang, dịu dàng, hài hòa với cảnh sắc thiên nhiên.

- Tả Thúy Kiều, ông mượn làn nước mùa thu, dáng núi mùa xuân để gợi ra một vẻ đẹp khiến cho thiên nhiên phải ganh tị, *hoa ghen, liễu hờn*, một nhan sắc tuyệt thế giai nhân “ *nghiêng nước nghiêng thành*” có một không hai.

Như vậy, mượn những hình ảnh ước lệ, tượng trưng. Nguyễn Du miêu tả được vẻ đẹp hoàn mỹ “ *mười phần vẹn mười*” của các nhân vật.

**Luận điểm 2:** *Tài năng của Nguyễn Du còn thể hiện ở khả năng cá biệt hóa khi miêu tả chân dung hai cô gái.*

- Cá biệt hóa trong cách thức miêu tả.

+ Tả Vân, Nguyễn Du sử dụng nhiều chi tiết cụ thể : khuôn mặt, nét mày, nụ cười, giọng nói, làn da, mái tóc....

+ Tả Thúy Kiều, ông chỉ đặc tả một đôi mắt, chủ yếu tả theo hướng đánh giá

khái quát bằng cách nói dân gian: *Sắc sảo mặn mà, nghiêng nước nghiêng thành..*

Với hai cách thức miêu tả khác nhau, Kiều và Vân tuy cùng “*Mười phen vẹn mười*”, nhưng ở mỗi cô gái lại có một vẻ riêng khác nhau.

- Cá biệt hóa trong cách so sánh tăng cấp: trong truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Kiều được miêu tả trước Vân. Trong đoạn thơ này, Nguyễn Du sáng tạo, tả vẻ đẹp của Thúy Vân trước để người đọc yêu mến và ấn tượng về vẻ đẹp của Thúy Vân. Sau đó lấy vẻ đẹp của Vân để làm nền để tôn lên vẻ đẹp của Thúy Kiều- nhân vật chính trong truyện.

- Cá biệt hóa trong việc miêu tả chân dung gắn với dự cảm về số phận nhân vật: khi miêu tả nhân vật, Nguyễn Du không chỉ ca ngợi vẻ đẹp hình thức, phẩm chất tâm hồn của Kiều và Vân mà còn dự báo được số phận của nhân vật với một thái độ trân trọng yêu thương,...

### **3. Kết bài:**

- Thông qua đoạn trích *Chị em Thúy Kiều*, Nguyễn Du đã thể hiện tài năng bậc thầy trong nghệ thuật miêu tả.

- Tác giả thể hiện thái độ trân trọng, đề cao vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội trong phong kiến nói riêng và đối với con người nói chung.

**Đề 2 :** *Phân tích nghệ thuật tả cảnh, tả người của Nguyễn Du trong các đoạn trích thuộc tác phẩm “Truyện Kiều” đã học và đọc thêm trong chương trình Ngữ Văn 9.*

### **I. Yêu cầu chung**

+ Kiểu bài : Văn nghị luận

(Dạng bài : nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học)

+ Nội dung: Nghệ thuật tả cảnh, tả người của Nguyễn Du trong các đoạn trích thuộc tác phẩm “Truyện Kiều” đã học và đọc thêm trong chương trình Ngữ Văn 9

+ Hình thức : Viết một văn bản có luận điểm rõ ràng , dẫn chứng cụ thể.

### **II. Yêu cầu cụ thể:**

**1. Mở bài:** Cần nêu được:

- Giới thiệu tác giả - tác phẩm

+ Truyện Kiều được đánh giá là tác phẩm đạt tới đỉnh cao về nội dung và nghệ thuật.

- Nêu vấn đề nghị luận.

+ Điều đó chứng tỏ tài năng sáng tạo nghệ thuật và cái tâm của một nghệ sĩ, một nhà văn hóa lớn của dân tộc. Nguyễn Du. Nghệ thuật tả cảnh, tả người trong *Truyện Kiều* được xem là đặc sắc nhất. Điều này được thể hiện rõ qua các đoạn trích thuộc tác phẩm “Truyện Kiều” đã học và đọc thêm trong chương trình Ngữ Văn 9.

**2. Thân bài :** Cần phân tích những luận điểm sau:

*Nguyễn Thị Kim Thoa*

Dit document is beschikbaar op

*a) Bút pháp tả cảnh của Nguyễn Du trong Truyện Kiều*

- Sử dụng bút pháp truyền thống trong văn chương cổ điển, bút pháp ước lệ chấm phá gợi tả hoặc tả cảnh ngụ tình. Dẫn chứng : Chị em Thúy Kiều, Cảnh ngày xuân..

- Tả cảnh để làm nổi bật tâm trạng nhân vật, thông qua tả cảnh để miêu tả tâm lí nhân vật. Dẫn chứng: tâm trạng náo nức xốn xang của người đi dự lễ hội du xuân, cảnh Thúc Sinh từ biệt Thúy Kiều, cảnh Kiều ở lầu Ngưng Bích,...

- Trong khi tả cảnh thiên nhiên, Nguyễn Du đã tạo ra những bức tranh thiên nhiên tuyệt mỹ bằng ngôn ngữ thơ ca. Điều đó cho thấy khả năng nghệ thuật và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc sống của Nguyễn Du. Dẫn chứng: *Cảnh ngày xuân*, Kiều ở Lầu Ngưng Bích,...

*b) Bút pháp tả người của Nguyễn Du trong Truyện Kiều*

- Sử dụng bút pháp tả thực và ước lệ :

+ Tả thực: Dùng cho loại nhân vật phản diện như : Mã Giám Sinh, Tú Bà, Hồ Tôn Hiến,...

+ Ước lệ : thường dùng đối với các nhân vật chính diện như : Thúy Kiều, Thúy Vân, Kim Trọng, Từ Hải,...

- Trong khi tả người, nhà thơ đã thể hiện yêu ghét rạch ròi, phân minh:

+ Ghét cái xấu, cái ác, khinh bỉ cái tầm thường, vô đạo; khinh bỉ khi miêu tả diện mạo trai lơ và bản chất con buôn, vô học của Mã Giám Sinh; ghê tởm Tú Bà nanh nọc, độc ác; vạch trần Sở Khanh trơ trẽn, lừa lọc; chê trách Hoạn Thư xảo trá, nham hiểm,...

+ Trân trọng, yêu mến cái đẹp, người tài: dùng những ngôn từ đẹp để nhất đề ca ngợi tài sắc chị em Thúy Kiều, cảm phục Từ Hải,...

- Nhà thơ đã tạo ra những điển hình văn học có tính khái quát cao, có sức sống muôn đời: Thúy Kiều, Thúy Vân, Từ Hải, Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hoạn Thư,...

**3) Kết bài**

- Truyện Kiều đã thể hiện tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du

- Tài năng nghệ thuật Nguyễn Du có cơ sở từ sự tiếp thu những tinh hoa trong văn chương cổ điển, văn hóa dân gian và khả năng sáng tạo của nhà thơ, hơn hết là xuất phát từ cái tâm của một nghệ sĩ lớn đối với con người và cuộc sống.

**Đề 3 :** *Thế nào là nghệ thuật của cảnh ngụ tình? Phân tích 8 câu cuối trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích để thấy được nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.*

**I. Yêu cầu chung**

+ Kiểu bài : Văn nghị luận

(Dạng bài : nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học)

+ Nội dung: Nghệ thuật của cảnh ngụ tình? Phân tích 8 câu cuối trong đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* để thấy được nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.

+ Hình thức : Viết một văn bản có luận điểm rõ ràng , dẫn chứng cụ thể.

### II. Yêu cầu cụ thể:

1. **Mở bài:** Cần nêu được:

- Giới thiệu tác giả - tác phẩm

+ Truyện Kiều là kiệt tác của Nguyễn Du cũng như của văn học Việt Nam.

- Nêu vấn đề nghị luận.

+ Đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* nằm ở phần thứ hai của Truyện Kiều ( Gia biến và lưu lạc). Từ việc miêu tả tâm trạng của Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, đoạn trích đã thể hiện cảnh ngộ và tâm trạng của Thúy Kiều cũng như tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc tả cảnh, tả tình. Tám câu cuối trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích đã cho thấy nghệ thuật là cảnh ngụ tình rất đặc sắc của Nguyễn Du.

2. **Thân bài :** Cần làm rõ các luận điểm sau

a) *Thế nào là tả cảnh ngụ tình?*

- Trong văn học trung đại, các tác giả đã coi là cảnh ngụ tình là một trong những thủ pháp nghệ thuật quan trọng để biểu đạt ý tình và chứng tỏ khả năng hàm súc của ngôn ngữ thơ ca. Nhiều tác phẩm đã sử dụng thành công nghệ thuật tả cảnh ngụ tình: “Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan; “Thu vịnh”, “Thu Điếu” của Nguyễn Khuyến,...

- Tả cảnh ngụ tình là dùng cảnh thiên nhiên để diễn tả tình cảm con người. Như vậy, trong nghệ thuật là cảnh ngụ tình, cảnh là phương tiện miêu tả, tình là mục đích để tả.

b) *Chứng minh*

- Tóm tắt ngắn gọn cảnh ngộ của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.

- Phân tích 8 câu thơ cuối.

Kiều buồn mà trông nên trông gì cũng thấy buồn. Một nỗi buồn triền miên không lối thoát. Tám câu cuối cùng của đoạn trích là một bức tranh tâm tình. Mỗi cặp câu là một bức tranh phong cảnh nhỏ trong bức tranh tâm tình rộng lớn.

- Bức tranh tâm trạng của Thúy Kiều được diễn tả nổi bật qua biện pháp tu từ điệp ngữ. Điệp từ “buồn trông” được sử dụng bốn lần ở bốn câu lục trong những cảnh khác nhau nhằm biểu đạt cảm xúc, tâm trạng của nhân vật Thúy Kiều.

+ “Buồn trông” là buồn mà nhìn xa trông ngóng một cái gì đó mơ hồ, vô vọng.

+ Điệp từ này được kết hợp với những hình ảnh đứng sau nó như : cửa bể, cánh buồm, ngọn nước, hoa trôi.. vừa gợi thân phận cô đơn, lênh đênh trôi dạt, vừa diễn tả nỗi buồn ngày càng chồng chất, tăng tiến, ghê gớm, mãnh liệt hơn.

+ Điệp từ “buồn trông” còn kết hợp với các từ láy “xa xa, thấp thoáng, rầu rầu, xanh xanh..” tạo nên nhịp điệu ào ạt của cơn sóng lòng trầm buồn, dữ dội, xô nổi buồn đến tuyệt vọng.

=> Phép điệp ngữ tác động mạnh đến cảm xúc của người đọc nhấn mạnh tâm trạng cô đơn, đau khổ, tuyệt vọng của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

\* Bức tranh thứ nhất :

“ Buồn trông cửa bể chiều hôm,  
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”.

- Kiều trông về phía cửa biển lúc chiều hôm, lúc ấy mặt trời sắp tắt, chỉ còn lại ánh sáng thóp cuối cùng. Nhìn về cửa bể tức là nhìn thấy dải bể đang mất hút đi ở cuối chân trời. Phía ấy trống vắng mênh mông, một bầu trời đang tối dần. Trên cái nền ấy xuất hiện hình ảnh “ thuyền ai” - một con thuyền lẻ loi đơn độc.

- Cái hay của hai câu thơ là sử dụng từ láy có giá trị biểu cảm cao: Từ láy “ Thấp thoáng” gồm hai âm “ ập”, “ oáng” (một âm đóng và một âm mở) diễn tả cánh buồm mờ nhạt, chợt ẩn, chợt hiện như mơ hồ, như ảo ảnh. Từ láy “ Xa xa” không chỉ gợi hình mà còn gợi tình, gợi sự lẻ loi, đơn chiếc, lênh đênh của cánh buồm, gợi nhớ quê hương, người thân.

- “Cánh buồm xa xa” thấp thoáng trên cửa bể là một hình ảnh ẩn dụ về cuộc sống lẻ loi, đơn chiếc của Thúy Kiều, cũng lênh đênh không biết đâu là bến bờ (thuyền trôi vô định, thấp thoáng -> số phận mong manh).

Hai câu thơ mang âm hưởng buồn, phảng phất cách diễn đạt trong ca dao:

“ Chiều chiều ra đứng ngõ sau,  
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”.  
Hay : “ Chiều chiều ra đứng bờ sông,  
Trông về quê mẹ mà không có đò”.

\* Bức tranh thứ hai :

“ Buồn trông ngọn nước mới sa,  
Hoa trôi man mác biết là về đâu ?”

- Trước mắt Kiều là một ngọn nước đổ từ trên cao xuống cuộn theo cánh hoa trôi nổi, vùi dập không biết đi đâu, về đâu.

- Cái hay của câu thơ là cách dùng từ láy “ man mác”, nếu viết “ tan tác” thì nói cánh hoa tan đi, vỡ đi, chìm lấp những cánh hoa mỏng manh, nhưng nói “ Hoa trôi man mác” là hình ảnh cánh hoa bập bênh, trôi nổi, đưa đi, đẩy lại lênh đênh. + Hình ảnh hoa trôi dễ gợi cảm và làm rung động lòng người. Hình ảnh “ hoa trôi bèo dạt” thường nói về kiếp người trôi nổi, bấp bênh.

- Hình ảnh ẩn dụ “hoa trôi” + câu hỏi tu từ “ Hoa trôi...đâu” gợi thân phận mỏng manh, yếu đuối như cánh hoa mặc cho dòng đời xô đẩy, biết trôi dạt về đâu ? Hình ảnh “ Hoa lìa cánh” như Kiều lìa xa tổ ấm gia đình.

\* Bức tranh thứ 3 :

“ Buồn trông nội cỏ rầu rầu,  
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”.



- Một khung cảnh mênh mông, hoang vắng: Một đồng cỏ phẳng lặng kéo dài mãi cuối tầm nhìn. Nội cỏ rầu rầu gợi lên những ngọn cỏ lưa thưa, ủ ê, héo hắt, đang mất dần sự sống. Đây không phải là đồng cỏ xuân đầy sức sống mà Kiều gặp trong tiết thanh minh: “*Cỏ non xanh tận chân trời*”. Đây là đồng cỏ cuối mùa đang ủ ê, héo hắt kéo dài vô tận thành một màu xanh duy nhất xanh xanh - màu xanh nhợt nhạt, xa xôi - màu tâm trạng được nhìn từ đôi mắt đau thương của Thuý Kiều.
- “*Nội cỏ rầu rầu*” là một ẩn dụ gợi tâm trạng buồn rầu, gợi lên cuộc sống tàn lụi, cạn kiệt sức sống.

\* Bức tranh thứ 4 :

*“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,  
âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”.*

- “*Mặt duềnh*” là vùng biển ăn sâu vào đất liền, ngoài kia là biển lớn. Gió biển ào ào khiến mặt biển nổi đầy sóng lớn. Sóng vỗ âm âm - sóng gào thét cuồn cuộn, đập vào bờ, xô đập nhau, lớp sóng này chưa tan đã ào đến lớp sóng khác, liên tục, bất tận. Tiếng sóng gào thét cuồn cuộn trên biển khơi vang đi rất xa. Kiều tưởng mình không còn ngồi trên lầu Ngưng Bích nữa mà ngồi chính giữa duềnh biển khơi mênh mông ấy, bốn bên là sóng vỗ.

- “*Sóng kêu*” được nhân hoá như tiếng kêu của con người. Sóng kêu là **ẩn dụ** đó là tiếng kêu thương của Kiều trước một tương lai đầy giông tố sắp vây bủa, vùi dập đời Kiều.

- Tám câu cuối, điệp ngữ “*buồn trông*” được nhắc đi nhắc lại bốn lần ở đầu các câu lục có tác dụng tạo nhạc tính gợi âm điệu buồn thương thê thiết và nhấn mạnh tâm trạng tê tái đau thương: Thương mình, thương người thân...

\*. Nhận xét về nghệ thuật của đoạn thơ:

- Cảnh lầu Ngưng Bích được nhìn qua con mắt và tâm trạng của Kiều : cảnh từ xa đến gần, từ cao đến thấp, màu sắc từ đậm đến nhạt, âm thanh từ tĩnh đến động, từ nỗi buồn man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ.

- Đặc biệt là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình , mỗi cảnh ngụ một ý tăng dần lên theo suy nghĩ và mặc cảm về thân phận nhân vật : cô đơn, lẻ loi -> trôi nổi, vùi dập-> buồn rầu, héo hon, tàn úa -> lo âu, kinh sợ và chới với trước tương không lối thoát.

- Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật phù hợp quy luật tâm lí thể hiện ngòi bút tinh tế trong việc lựa chọn ngôn từ, hình ảnh.

- Điệp ngữ, từ láy có giá trị biểu cảm cao

### 3. Kết bài

- Tám câu thơ, bốn cặp lục bát đã trở thành bức tranh tứ bình thiên nhiên, tứ bình tâm trạng. Mỗi bức tranh là một phần phong cảnh cũng là một khía cạnh nội tâm sâu sắc của nhân vật thấm giá vào từng câu chữ, nét cảnh.



**Đề 4 :**

Một đặc điểm nghệ thuật của văn học cổ nước ta là nghiêng về tả theo những cách thức có sẵn gọi là ước lệ hơn là tả thực những chi tiết có thật trong đời sống.

Em hiểu thế nào là miêu tả ước lệ. Nghệ thuật miêu tả người theo ước lệ được Nguyễn Du vận dụng như thế nào trong đoạn trích “Chị em Thuý Kiều” (Truyện Kiều) – Ngữ văn lớp 9- Tập 1. Nêu cái hay và cái hạn chế của cách miêu tả theo ước lệ.

**\* Yêu cầu:**

Bài viết thể hiện sự hiểu biết về nghệ thuật miêu tả ước lệ với các ý sau:

- Hiểu được nghệ thuật miêu tả theo ước lệ.
- Phân tích thành công của Nguyễn Du trong đoạn trích “Chị em Thuý Kiều”.
- Cảm nhận về cái hay, cái hạn chế của nghệ thuật tả theo ước lệ.

**\* Nội dung:**

1. Giới thiệu nền văn học cổ Việt Nam với các tác giả, tác phẩm nổi tiếng đã vận dụng thành công nghệ thuật tả ước lệ. Nguyễn Du là tác giả tiêu biểu. Đoạn trích “Chị em Thuý Kiều” thể hiện rõ nghệ thuật tả người theo ước lệ mà tác giả vận dụng thành công.

**2. Giải thích:**

- Các tác giả đều là những nhà nho học chịu ảnh hưởng văn học Hán, thích văn chương bóng bẩy tao nhã. Nghệ thuật ước lệ được hình thành.
- Các tác giả thường sử dụng những quy ước như dùng thiên nhiên đẹp như trăng, hoa, tuyết, ngọc... để tả vẻ đẹp con người (mỹ nhân). Một số cảnh vật thiên nhiên miêu tả nhiều đã trở thành những hình ảnh, cuộc sống, tâm trạng của con người.

**3. Nghệ thuật ước lệ trong đoạn trích:**

**a. Vẻ đẹp chung của hai chị em Kiều.**

Hình dáng thanh tú nh cây mai, tâm hồn trong trắng như tuyết. Hai hình ảnh ẩn dụ đã khái quát vẻ đẹp từ hình dáng đến tâm hồn của hai người.

**b. Tả Thuý Vân.**

Tác giả tả cụ thể những chi tiết về hình dáng bên ngoài với bút pháp ước lệ quen thuộc của văn học cổ: khuôn mặt như trăng, mày như dáng con ngài, nụ cười như hoa, tiếng nói trong như ngọc, tóc óng mượt hơn mây, da trắng hơn tuyết. Nét ước lệ đã đem đến cho người đọc một ấn tượng về vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu của Thuý Vân.

**c. Tả Thuý Kiều trên hai phương diện sắc và tài.**

- + Về sắc: Tập trung tả đôi mắt để bộc lộ tâm hồn, tác giả vẫn dùng hình ảnh ước lệ “Làn thu thủy, nét xuân sơn”, hoa, liễu và điển tích “nghiêng nước nghiêng thành” của người xưa để ca ngợi vẻ đẹp sắc nước hương trời, tuyệt thế giai nhân.
- + Về tài: cái tài của Thuý Kiều đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến với tài cầm, kì, thi, hoạ. Cục tả cái tài, Nguyễn Du tả cái tâm của nhân vật.

**4. Nhận xét:**

- Cái hay: là biểu hiện quan niệm của người xa về cái đẹp trong nghệ thuật. Nó có đặc điểm diễn đạt bóng bẩy, trang nhã, thâm thúy, dễ gửi gắm tình cảm của nhà văn.

- Hạn chế: dựa vào khuôn mẫu có sẵn, bỏ đi chi tiết thật của đời sống, dễ trở thành khuôn sáo, cầu kì.
- Ngày nay, trọng tả thực, sinh động, chân thật. Nhưng khi cần thiết vẫn sử dụng ước lệ.
- Truyện Kiều và thơ văn của một số tác giả khác trong văn học cổ Việt Nam như một mẫu mực để chúng ta học tập.

### **Đề 5:**

Đọc đoạn văn sau:

“Nói về ở Bắc Kinh, có một vị viên ngoại họ Vương tên Lưỡng Tùng, tự Tử Trinh, tính tình thuần thực trung hậu, gia kế thường thường, không dồi dào cũng không túng kém. Vợ họ Hà, cũng là người hiền năng, sinh được một con trai, tên Vương Quan, học tập nghiệp nho, và hai gái, chị tên Thuý Kiều, em tên Thuý Vân, tuổi đều đang độ thanh xuân. Cả hai chị em đều thạo thơ phú. Riêng Thuý Kiều về người tha thướt phong lưu, tính chuộng hào hoa, lại thích âm luật, rất thạo ngón hồ cầm. Thuý Vân đáng yêu kiều, hiền dịu, thấy Thuý Kiều thạo hồ cầm, thường nhân lúc rảnh can ngăn chị:

- Âm nhạc không phải là công việc khuê phòng, e người ngoài nghe biết, không được nhã!

Thuý Kiều nghe em can, nhưng không cho thế là phải, thường soạn bài ca Bạc mệnh, phả vào hồ cầm, trảm vắn thê lương, khiến người nghe thấy đều chau mày rơi lệ”.

(*Kim Vân Kiều truyện* - Thanh Tâm Tài Nhân, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999)

Phân tích đoạn trích “Chị em Thuý Kiều” (Trích “Truyện Kiều” - Nguyễn Du; Ngữ Văn 9, Tập một) và so sánh với đoạn văn trên để làm rõ sự sáng tạo của Nguyễn Du trong tác phẩm “Truyện Kiều”.

### **A. Yêu cầu về kĩ năng:**

- Thí sinh biết cách viết một bài văn nghị luận hoàn chỉnh, có bố cục rõ ràng, mạch lạc. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, diễn đạt trong sáng, giàu cảm xúc.
- Không mắc lỗi về câu, từ, chính tả.

### **B. Yêu cầu về kiến thức:**

Bài làm có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

#### **1. Giới thiệu khái quát. (1,0 điểm)**

- Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa, có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của văn học Việt Nam.
- Mặc dù dựa vào cốt truyện “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân nhưng Nguyễn Du đã có nhiều sáng tạo từ nghệ thuật tự sự - kể chuyện bằng thơ đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, con người.
- Đoạn trích “Chị em Thuý Kiều” thể hiện rõ sự sáng tạo của Nguyễn Du và cũng là thành công nghệ thuật của “Truyện Kiều”.

**2. Phân tích đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”. (4,0 điểm)**

**a. Vẻ đẹp chung của chị em Thúy Kiều. (0,5 điểm)**

- Hai người con gái của gia đình họ Vương đều đẹp (hai ả tố nga), chị là Thúy Kiều, em là Thúy Vân được miêu tả với vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong trắng của người thiếu nữ. Mỗi người đều có những nét riêng nhưng đều đạt đến độ hoàn mỹ, “mười phần vẹn mười”.

- Bút pháp ước lệ tượng trưng, nghệ thuật ẩn dụ, tiêu đối... gợi tả sắc đẹp của chị em Kiều: cốt cách như mai, tinh thần như tuyết.

**b. Vẻ đẹp của Thúy Vân. (1,0 điểm)**

- Thúy Vân được giới thiệu với vẻ đẹp cao sang, quý phái, “trang trọng khác thường”, phúc hậu, đầy đặn.

- Bút pháp ước lệ tượng trưng, thủ pháp liệt kê, nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, nhân hoá ... làm nổi bật vẻ đẹp riêng của Thúy Vân. Thúy Vân đẹp từ khuôn mặt, đôi mày, mái tóc, làn da đến nụ cười, giọng nói. Một vẻ đẹp đoan trang phúc hậu, khiến thiên nhiên phải chịu thua, chịu nhường. Miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân, Nguyễn Du như báo trước Thúy Vân sẽ có tương lai, một cuộc đời bình lặng, suôn sẻ, cuộc sống yên vui, hạnh phúc.

**c. Vẻ đẹp của Thúy Kiều. (2,0 điểm)**

- Thúy Kiều được giới thiệu đẹp một cách “sắc sảo mặn mà”, “sắc sảo” trong trí tuệ, “mặn mà” trong tình cảm.

- Bút pháp ước lệ tượng trưng, nghệ thuật miêu tả theo lối điểm nhãn, so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, sử dụng điển tích điển cố... Nguyễn Du phác họa chân dung của một trang tuyệt sắc giai nhân. Vẻ đẹp sắc sảo mặn mà của Kiều làm cho hoa liễu phải hờn ghen.

- Kiều không chỉ đẹp mà còn có tài năng xuất chúng. Tài năng của Kiều đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến gồm cả: cầm, kì, thi, hoạ. Đặc biệt là tài làm thơ, tài đánh đàn là năng khiếu, sở trường vượt lên mọi người. Nguyễn Du cực tả cái tài của Kiều cũng là để ca ngợi cái tâm đặc biệt của nàng. Cung đàn bạc mệnh mà Kiều tự sáng tác chính là sự ghi lại tiếng lòng của một trái tim đa sầu, đa cảm. Với vẻ đẹp, nhan sắc, tài năng đều đạt đến độ tuyệt đỉnh cùng với tâm hồn đa sầu, đa cảm, tác giả đã ngầm dự báo cho ta thấy trước được cuộc đời Kiều trong tương lai sẽ gặp nhiều sóng gió.

**d. Đức hạnh của chị em Thúy Kiều. (0,5 điểm)**

Bốn câu thơ kết đoạn, Nguyễn Du đã miêu tả cuộc sống phong lưu khuôn phép, mẫu mực của hai chị em Kiều. Thúy Vân và Thúy Kiều không những nhan sắc tuyệt trần mà còn đức hạnh, nền nếp, đoan chính.

**3. So sánh đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” với đoạn trích trong “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân. (4,0 điểm)**

**a. So sánh hai đoạn trích. (2,0 điểm)**

Đoạn trích trong “Kim Vân Kiều truyện” - Thanh Tâm Tài Nhân	Đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” trích “Truyện Kiều” - Nguyễn Du
- Kể bằng văn xuôi.	- Tả bằng thể thơ lục bát quen thuộc (dễ thuộc, dễ nhớ, dễ đi vào lòng người).

## TÌM HIỂU MỘT VÀI NÉT NGHỆ THUẬT TRONG TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

- Kể Thuý Kiều trước và Thuý Vân sau.	- Tả Thuý Vân trước, Thuý Kiều sau làm nổi bật nhan sắc, tài năng, tâm hồn của Thuý Kiều.
- Kể về nhân vật, sự việc.	- Gọi tả nhân vật nhưng ngầm dự báo số phận nhân vật trong tương lai.
- Ít sử dụng các biện pháp tu từ.	- Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật (so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, liệt kê...), từ ngữ có sự trau chuốt.
- Kể về nhân vật sự việc tương đối khách quan.	- Dành tình cảm yêu thương trân trọng nhân vật.
- Sử dụng bút pháp hiện thực	- Sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng

### **b. Sự sáng tạo của Nguyễn Du. (2,0 điểm)**

Viết “Truyện Kiều” Nguyễn Du có dựa vào cốt truyện “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Tuy nhiên, Nguyễn Du đã có những sáng tạo độc đáo về nghệ thuật:

- Nghệ thuật miêu tả: với bút pháp ước lệ tượng trưng; tả cảnh ngụ tình; dụng ý trong trật tự miêu tả các nhân vật; nhân vật xuất hiện với cả con người hành động (dáng vẻ bên ngoài) và con người cảm nghĩ (đời sống nội tâm bên trong); sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ....

- Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ: sử dụng nhiều từ Hán Việt tạo nên vẻ đẹp trang trọng, cổ điển; ngôn ngữ đạt đến độ trong sáng, điểm lệ đỉnh cao của ngôn ngữ Tiếng Việt.

### **4. Đánh giá. (1,0 điểm)**

- “Chị em Thuý Kiều” là đoạn trích tiêu biểu về nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du: khắc họa những nét riêng về nhan sắc, tài năng, tính cách, số phận của Thuý Vân, Thuý Kiều bằng bút pháp nghệ thuật cổ điển.

- Đoạn trích “Chị em Thuý Kiều” khẳng định tài năng, sự sáng tạo về nghệ thuật của Nguyễn Du. Với sự sáng tạo về nội dung và nghệ thuật của “đại thi hào dân tộc”, “Truyện Kiều” đã trở thành kiệt tác, kết tinh những giá trị và thành tựu nghệ thuật tiêu biểu của văn học dân tộc.

### **PHẦN III: KẾT LUẬN**

Như vậy, bằng quá trình lao động nghệ thuật công phu và đầy sáng tạo, với cái nhìn sắc sảo khách quan về cuộc sống, Nguyễn Du đã xây dựng được những nét tính cách đa dạng, hoàn chỉnh và rõ nét. Nhân vật trong "*Truyện Kiều*" là nhân vật của cuộc đời hiểu theo ý nghĩa xã hội sâu sắc, đúng đắn. Đó không phải là những con người "*nhất thành bất biến*" đơn giản một chiều chịu sự chi phối của một quan niệm chủ quan. Bên cạnh cái "*cốt lõi*" của mỗi con người, ta bắt gặp những biến thiên phong phú của những tính cách đa dạng. Qua tìm hiểu "*Truyện Kiều*" chúng ta có thể thấy nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Du rất phong phú đa dạng...

#### **Danh mục sách tham khảo:**

1. "*Kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du*" (Nxb KHXH- 1967)
2. "*Truyện Kiều đối chiếu*" (Phạm Đan Quế - Nxb Hà Nội -1991)
3. "Thi pháp Truyện Kiều" (Trần Đình Sử - Nxb ĐHSPHN – 2018)





